

SỰ PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG PHÂN BIỆT ÂM VỊ CỦA TRẺ TỪ MẪU GIÁO ĐẾN LỚP MỘT

HUỲNH MAI TRANG*

TÓM TẮT

Một nghiên cứu dọc về sự phát triển khả năng phân biệt âm vị đã được thực hiện trên 85 trẻ từ mẫu giáo đến lớp 1, thông qua trắc nghiệm phân biệt cặp từ tối thiểu. Kết quả cho thấy, khả năng phân biệt âm vị của trẻ phát triển rõ rệt từ cuối mẫu giáo cho đến cuối lớp 1. Tuy nhiên, trong khi khả năng phân biệt thanh và nguyên âm đã hoàn thiện từ cuối mẫu giáo thì khả năng phân biệt các phụ âm đầu vẫn còn khá thấp ở cuối lớp 1.

Từ khóa: phân biệt âm vị, phân biệt cặp từ tối thiểu, tri giác lời nói.

ABSTRACT

The development of children's phonological discrimination capability from kindergarten to grade 1

The article presents a longitudinal study to assess the development of the phonological discrimination capability by a test of minimal pair discrimination which was conducted on 85 children from kindergarten to grade 1. Results showed that the phonological discrimination capability develops significantly from the end of kindergarten to the end of grade 1. However, while the vowel and tone discrimination capability has perfected since the end of kindergarten, the initial consonant discrimination is still quite low at the end of grade 1.

Keywords: phonological discrimination, minimal pair discrimination, speech perception.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ nói, xét ở góc độ nhận thức, được đánh giá trên 3 phương diện khác biệt sau: 1) Quá trình xử lí lời nói đầu vào, chính là việc phân tích kết quả của hoạt động tri giác âm thanh mà người ta tiếp nhận được; 2) Quá trình hình thành biểu tượng của lời nói cũng như lưu trữ các biểu tượng này trong bộ nhớ dài hạn; và 3) Quá trình xử lí lời nói đầu ra, chính là việc biểu đạt bằng lời nói thông qua hoạt động phát âm. Ngoài ra, người ta còn đánh giá cả khả năng kích hoạt các biểu tượng sẵn có cũng như đo

lượng những thao tác trí tuệ (phân tích, tổng hợp, so sánh...) trên các đơn vị của lời nói.

Bài viết này chỉ đề cập đến trắc nghiệm đánh giá khả năng tri giác âm thanh (lời nói) và giới thiệu kết quả nghiên cứu về khả năng phân biệt âm vị của trẻ. Đây một nghiên cứu theo lối “bổ dọc”, kéo dài 2 năm, nhằm đánh giá sự phát triển khả năng phân biệt âm vị của cùng một nhóm trẻ từ mẫu giáo đến lớp 1 tại một số trường tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, chúng tôi mong muốn chỉ ra những khó khăn trong tri giác lời

* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: huynhmaitrang@hcmup.edu.vn

nói của trẻ trước khi vào lớp 1 cũng như sau khi học xong lớp 1. Điều này một mặt, nhằm góp thêm những tham số có ý nghĩa đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ em Việt Nam; mặt khác, nhằm cung cấp thêm một phương tiện đánh giá về khả năng phân biệt âm vị của trẻ để chẩn đoán chính xác hơn và sớm hơn những trường hợp trẻ có nguy cơ bị một rối loạn chuyên biệt nào đó.

2. Trắc nghiệm đánh giá khả năng tri giác lời nói của trẻ

Để đánh giá chính xác khả năng tri giác lời nói, người ta sử dụng các trắc nghiệm “thuần túy” về mặt âm thanh. Gọi là trắc nghiệm “thuần túy” về mặt âm thanh vì chất liệu sử dụng trong trắc nghiệm chỉ là âm thanh, có nghĩa là trẻ chỉ nghe và không được nhìn thấy cử động môi của người phát âm. Theo F. Estienne & B. Piérart [5], [8], có 3 loại trắc nghiệm theo kiểu này đã được sử dụng trong các nghiên cứu được trình bày dưới đây.

2.1. Ghép cặp giữa một từ được nghe với một hình tương ứng

Mục tiêu của trắc nghiệm này là nhằm khảo sát là trẻ có nghe chính xác cũng như xử lí được âm thanh đầu vào hay không. Trắc nghiệm này còn được gọi tên là “trắc nghiệm về nhận thức âm thanh”, vì ở đây, trẻ phải chọn trong 2 hoặc 3 hình một hình có tên gọi nghe gần giống với từ được phát âm. Để làm được bài tập kiểu này, trẻ phải có một vốn từ nhất định. Nói cách khác, nếu trẻ gặp thất bại trong bài tập này cũng chưa thể kết luận được là trẻ có vấn đề về tai nghe hay do thiếu vốn từ. Vì vậy, mặc dù đây là

bài tập hấp dẫn với trẻ nhưng kết quả của nó không chỉ ra được chính xác những khó khăn về tri giác âm thanh mà trẻ gặp phải.

2.2. Lặp lại từ giả¹

Trắc nghiệm này yêu cầu trẻ nghe một từ không có thật và lặp lại một cách thật gần giống nhất với từ đó. Việc trẻ thành công với bài tập này cho thấy rằng trẻ có khả năng phân biệt âm thanh rất tốt. Tuy nhiên, nếu trẻ gặp thất bại thì cũng chưa thể kết luận là trẻ không có khả năng tri giác âm thanh, bởi vì có thể trẻ bị hạn chế ở trí nhớ lời nói hay có vấn đề ở mặt phát âm. Thực tế thì dạng trắc nghiệm này rất hiệu quả trong việc đánh giá khả năng nhớ lời nói (Gathercole, 1995).

2.3. Phân biệt cặp từ tối thiểu [2], [1]

Hạn chế của 2 trắc nghiệm trên buộc người ta phải nghĩ đến một bài tập đo lường nào có khả năng định vị chính xác loại khó khăn mà trẻ gặp phải, mà ở đây là tri giác âm thanh dạng ngôn ngữ. Ở dạng trắc nghiệm thứ ba này, cặp từ hoặc từ giả cần phân biệt chỉ khác nhau ở một điểm duy nhất (ví dụ, chỉ khác nhau ở âm đầu: /fa/ và /va/ hoặc chỉ khác nhau ở âm cuối /tim/ và /tin/), vì vậy chúng được gọi là “cặp từ tối thiểu”. Trẻ sẽ được yêu cầu xác định các cặp từ này giống hay khác nhau bằng lời (“giống” hoặc “khác”) hoặc thậm chí bằng cách chỉ vào một hình ảnh cụ thể nào đó để thể hiện câu trả lời giống hoặc không giống (nhằm giảm thiểu ảnh hưởng nếu có của sự khó khăn khi biểu đạt). Việc sử dụng từ giả cũng được khuyến khích trong loại bài tập này nhằm

đảm bảo rằng trẻ không thể sử dụng vốn từ sẵn có để trả lời. Vì vậy, từ thật cũng có thể được sử dụng nếu như đó là những từ không thông dụng đối với trẻ. Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng xác suất trả lời đúng ngẫu nhiên của loại bài tập này là 50%, vì vậy số lượng cặp từ cần phân biệt phải đủ lớn để đảm bảo rằng tỉ lệ câu trả lời đúng vượt qua mức ngẫu nhiên.

3. Đánh giá sự phát triển khả năng phân biệt âm vị của trẻ từ mẫu giáo đến cuối lớp 1 bằng trắc nghiệm phân biệt cặp từ tối thiểu

3.1. Phương pháp

3.1.1. Mẫu nghiên cứu

Có 85 trẻ tham gia trong nghiên cứu với tuổi trung bình là 5 tuổi 9 tháng ($SD=.31$) tại thời điểm cuối năm học 2009-2010. Sang đến cuối năm học 2010-2011, vì lí do chuyên trường từ mẫu giáo lên tiểu học, 10 trẻ không tham gia nữa, chúng tôi còn 75 trẻ với tuổi trung bình là 6 tuổi 10 tháng ($SD=.31$). Những trẻ này đến từ các trường mầm non 4A, Hoa Mai, Mầm non 1 và các trường tiểu học: Lương Định Của, Lê Chí Trực, Phan Văn Hân và Trần Danh Lâm thuộc các quận 3, 8 và Tân Bình ở Thành phố Hồ Chí Minh. Thời điểm lấy số liệu là tháng 4 và 5 của mỗi năm học.

3.1.2. Công cụ

Trắc nghiệm phân biệt cặp từ tối thiểu sử dụng trong nghiên cứu này được phát triển dựa trên bài tập phân biệt âm vị của *Bộ trắc nghiệm đánh giá khả năng ngôn ngữ và tính toán cho trẻ từ 6 đến 9 tuổi 1*. Trắc nghiệm của chúng tôi bao gồm 90 cặp từ giả (45 cặp từ giống nhau và 45 cặp từ khác nhau), các cặp từ khác

nhau lần lượt theo 3 yếu tố: phụ âm đầu (ví dụ: *turi* và *cui*), nguyên âm (ví dụ: *nhò* và *nhò*), và thanh (ví dụ: *gừu* và *gừu*).

Một danh sách các từ giả được ghi âm trước bằng giọng nữ (Hà Nội), sau đó các cặp từ giả mới được kết hợp với nhau bằng phần mềm Audacity. Vì vậy, chúng tôi đảm bảo được chính xác 100% các cặp từ giống nhau, cũng như tránh được hiện tượng vô tình quá cường điệu sự khác nhau giữa các cặp từ trong quá trình ghi âm. Khoảng thời gian cách nhau giữa 2 từ được phát ra là 0,5 giây và toàn bộ thời gian để nghe một cặp từ là từ 1 đến 2 giây.

3.1.3. Tiến trình nghiên cứu

Chúng tôi đã sử dụng cùng một nội dung của trắc nghiệm phân biệt cặp từ tối thiểu cho cả 2 lần khảo sát (cuối lớp lá và cuối lớp 1).

Bài trắc nghiệm kéo dài trong khoảng 7 đến 10 phút, được thực hiện trên từng trẻ, tại trường nơi trẻ đang học. Trẻ nghe các cặp từ giả qua tai nghe và trả lời bằng cách nói “giống” hoặc “khác”, hoặc thậm chí chỉ ra dấu (gật đầu hoặc lắc đầu). Nhằm đảm bảo trẻ hiểu thật rõ yêu cầu của bài tập, chúng tôi đã tiến hành giải thích yêu cầu cũng như luyện tập cho trẻ. Số lượng cặp từ luyện tập cho từng yếu tố khảo sát là 6 và chúng không được lặp lại trong bài trắc nghiệm chính thức. Bài trắc nghiệm chính thức được trình bày lần lượt theo các yếu tố: phụ âm đầu, nguyên âm và thanh; thứ tự của các điều kiện này được hoán chuyển để đảm bảo xác suất xuất hiện trước sau của chúng là ngang nhau. Điều này nhằm giảm thiểu nguy cơ đánh

giá sai lầm nếu như trẻ chỉ trả lời thật tốt cho một loạt các câu đầu hoặc cho một loạt các câu sau, tùy theo hứng thú hoặc sự mệt mỏi nếu có của trẻ.

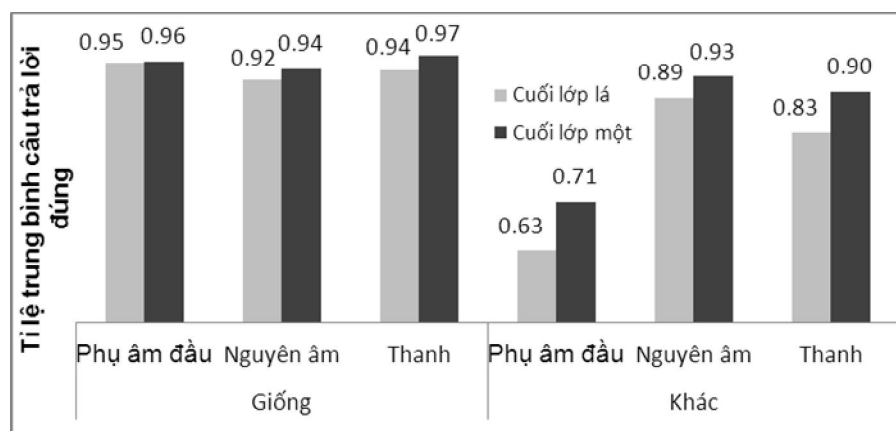
3.2. Kết quả

Các số liệu của nghiên cứu được xử lý bằng SPSS và kiểm nghiệm thống kê được sử dụng là GLM Anova (so sánh các trung bình qua nhiều lần đo liên tiếp). Các biến số độc lập là *Lớp* (cuối lớp lá và

cuối lớp 1); các biến số phụ thuộc lần lượt là *Yếu tố* (phụ âm đầu, nguyên âm và thanh), *Loại phụ âm đầu* (tắc và xát), *Loại nguyên âm* (nguyên âm đơn, nguyên âm đôi và bán nguyên âm) *Loại thanh* (cao và thấp²) và *Loại cặp từ* (giống, khác).

3.2.1. *Đánh giá khả năng phân biệt âm vị của trẻ theo phụ âm đầu, nguyên âm và thanh*

Biểu đồ 1. Tỷ lệ trung bình câu trả lời đúng xét theo phụ âm đầu, nguyên âm và thanh và theo loại cặp từ



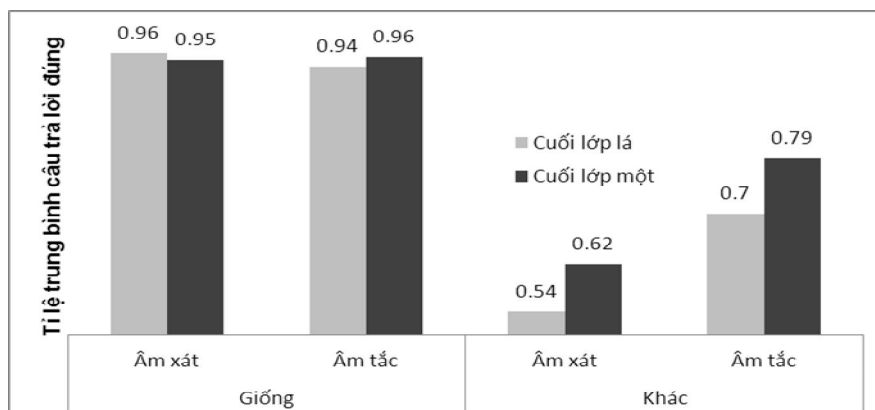
Biểu đồ 1 cho thấy điểm trung bình của trẻ có sự khác biệt ở cả 3 yếu tố khảo sát cũng như ở lứa tuổi. Cụ thể là khả năng phân biệt âm của trẻ ở nguyên âm và thanh thì tốt hơn so với ở phụ âm đầu ($F(2,316) = 164,4; p < .001$). Kết quả này đúng ở cả cuối mẫu giáo và cuối lớp 1. Sau một năm, điểm trung bình của trẻ tăng lên một cách có ý nghĩa: từ 86% đến 90% ($F(1,158) = 12,04; p = .001$), nhưng điểm trung bình ở điều kiện phụ âm đầu vẫn còn khá thấp (71%).

Vì khả năng nhận ra các cặp từ giả giống nhau đã hoàn thiện từ từ cuối mẫu

giáo (khoảng 95%), nên sự phát triển khả năng phân biệt âm vị ở lứa tuổi này được quan sát chủ yếu ở điểm trung bình phân biệt các cặp từ giả khác nhau. Thêm nữa, đến cuối lớp 1, việc trẻ vẫn còn gặp khó khăn đối với các phụ âm đầu cũng được nhận thấy chỉ ở các cặp từ giả khác nhau. Chúng tôi cho rằng khó khăn của trẻ trong việc tri giác âm thanh chủ yếu là nằm ở việc phân biệt các âm vị khác nhau, các kết quả sau đây cũng thống nhất với kết luận này.

3.2.2. *Đánh giá khả năng phân biệt âm vị của trẻ theo âm tắc và xát*

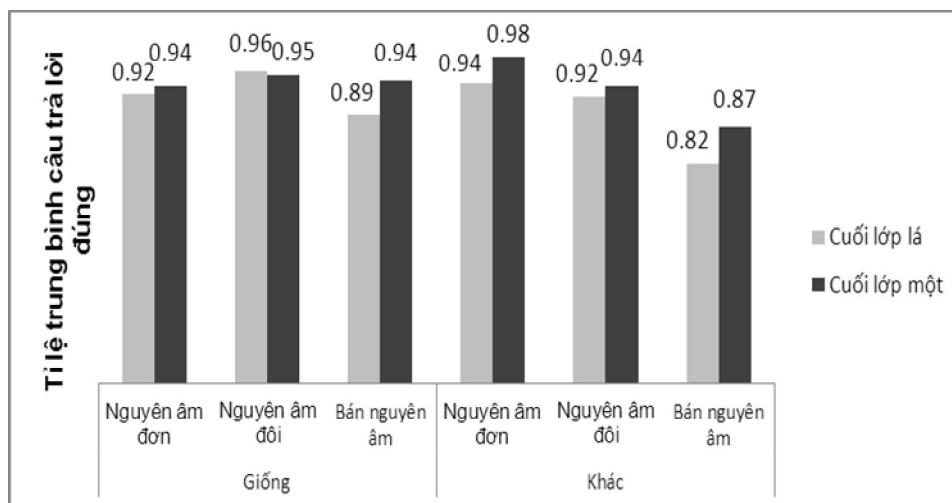
Biểu đồ 2. Tỷ lệ trung bình câu trả lời đúng xét theo các phụ âm tắc và âm xát và theo loại cặp từ



Chúng tôi nhận thấy điểm trung bình của trẻ có sự khác biệt giữa âm tắc và âm xát ($F(1,158)=64,1$; $p<.001$), điểm số phân biệt giữa các âm tắc thì cao hơn so với âm xát ở cả 2 nhóm tuổi, hay nói khác đi, đến cuối lớp 1, trẻ vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc phân biệt giữa các âm xát với nhau. Cũng như đã kết luận ở trên, những khó khăn này cũng được quan sát ở các cặp từ giả khác nhau.

3.2.3. *Đánh giá khả năng phân biệt âm của trẻ theo nguyên âm đơn, nguyên âm đôi và bán nguyên âm*

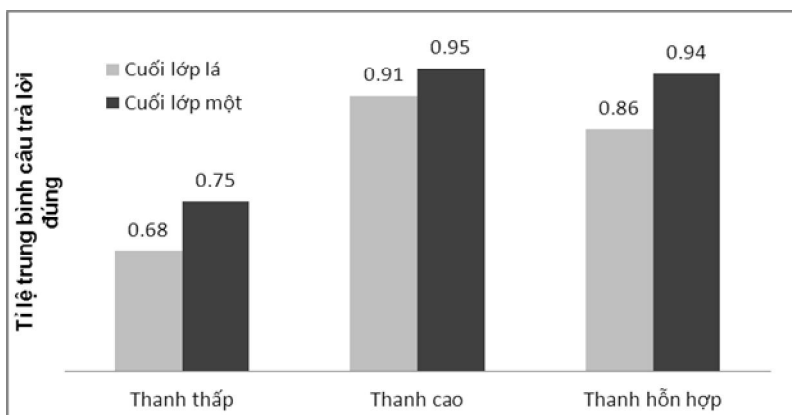
Biểu đồ 3. Tỷ lệ trung bình câu trả lời đúng xét theo các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi và bán nguyên âm và theo loại cặp từ



Nhìn chung, điểm trung bình của trẻ trong việc phân biệt các cặp nguyên âm đơn và nguyên âm đôi đã rất cao (cả ở những cặp từ khác nhau) từ cuối lớp lá (trên 90%), trẻ chỉ còn gặp khó khăn khi phân biệt các cặp bán nguyên âm ($F(2,316)=29,9$; $p<.001$). Điều này thể hiện rõ ở cuối mẫu giáo và giảm dần vào cuối lớp 1.

3.2.4. *Đánh giá khả năng phân biệt âm của trẻ theo nhóm thanh cao và thấp*

Biểu đồ 4. *Tỉ lệ trung bình câu trả lời đúng xét theo các cặp thanh (cao, thấp và hỗn hợp³)*



Vì điểm số của trẻ từ cuối lớp lá ở các cặp thanh giống nhau rất cao (xem biểu đồ 1) nên chúng tôi chỉ tập trung vào kết quả phân biệt giữa các cặp thanh khác nhau. Cụ thể, đó là các cặp thanh khác nhau trong nhóm thanh thấp (ví dụ cặp thanh huyền và hỏi: *luê-luê*); các cặp thanh khác nhau trong nhóm thanh cao (ví dụ cặp thanh sắc và ngang: *nóa-noa*); và các cặp thanh khác nhau “hỗn hợp”.

Biểu đồ 4 cho thấy điểm trung bình của trẻ khác nhau ở 3 loại cặp thanh này ($F(2,316) = 73,8$; $p<.001$). Nhìn chung điểm trung bình phân biệt ở các thanh thấp là thấp nhất (68% ở cuối lớp lá và 75% ở cuối lớp 1) và điểm trung bình ở các thanh cao là cao nhất (>90%). Ngoài ra, nếu như trẻ cuối lớp lá vẫn còn một chút khó khăn ở các cặp thanh hỗn hợp thì đến cuối lớp 1, khả năng phân biệt các thanh này của trẻ đã hoàn toàn hoàn

thiện.

3.3. *Bình luận*

Mục tiêu của nghiên cứu này là khảo sát sự phát triển khả năng phân biệt âm vị của trẻ cũng như chỉ ra những khó khăn mà trẻ gặp phải trong việc tri giác lời nói. Kết quả cho thấy từ cuối mẫu giáo cho đến cuối lớp 1, trẻ đạt được sự tiến bộ đáng kể trong việc phân biệt các âm vị. Điều này được thể hiện rõ trong việc phân biệt nguyên âm và thanh. Tuy nhiên trẻ vẫn chưa hoàn thiện trong việc phân biệt các bán nguyên âm và các thanh có âm vực thấp.

Hơn nữa, khả năng phân biệt các phụ âm đầu vẫn còn thấp so với nguyên âm và thanh. Trong việc tri giác âm thanh, thời gian mà âm thanh tác động vào tai nghe là một yếu tố quan trọng. Trong khi đó, thời gian xuất hiện của âm đầu thường ngắn hơn so với âm chính và

thanh (theo quan sát trên các sơ đồ âm thanh ghi được từ Audacity). Hơn nữa, trong cấu trúc âm tiết, âm đầu là yếu tố có thể có mà cũng có thể không, trong khi đó âm chính và thanh thì lại là hai yếu tố không thể thiếu được [4], [3]. Như vậy, có thể nói âm đầu không gắn bó chặt chẽ với các thành phần khác trong cấu trúc âm tiết. Vì vậy, trong tri giác lời nói, âm đầu có vẻ “mờ nhạt” hơn so với âm chính và thanh và đó có thể là nguyên nhân làm cho việc phân biệt âm đầu trở nên khó khăn hơn. Giả định này cần có thêm những nghiên cứu khác để kiểm chứng. Cũng ở phụ âm đầu, chúng tôi nhận thấy khả năng của trẻ có sự khác biệt giữa âm tắc và âm xát: điểm số phân biệt giữa các âm tắc thì cao hơn so với âm xát ở cả 2 nhóm tuổi, hay nói khác đi, đến cuối lớp 1, trẻ vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc phân biệt các âm xát với nhau. Tuy nhiên, kết quả này chưa cho phép kết luận rằng việc phân biệt các âm xát thì khó khăn hơn so với các âm tắc, bởi vì những âm xát mà chúng tôi sử dụng có vị trí cấu âm thường gần hơn so

với các âm tắc, điều này đã vô tình làm cho việc phân biệt các âm xát trở nên khó khăn hơn.

4. Kết luận

Nhìn chung, khả năng phân biệt âm của trẻ phát triển rõ rệt từ cuối mẫu giáo cho đến cuối lớp 1, trên cả 3 yếu tố khảo sát: phụ âm đầu, nguyên âm và thanh. Tuy nhiên, trong khi khả năng phân biệt thanh và nguyên âm đã hoàn thiện từ cuối mẫu giáo thì khả năng phân biệt các phụ âm đầu vẫn còn khá thấp ở cuối lớp 1. Kết quả nghiên cứu cho thấy trắc nghiệm phân biệt cặp từ tối thiểu này có thể sử dụng trong việc khảo sát khả năng phân biệt âm vị của trẻ mẫu giáo như một chẩn đoán về khả năng tri giác lời nói của những trẻ này.

Ngoài ra, việc cho trẻ nhỏ thường xuyên phân biệt các cặp từ tối thiểu cũng được xem là cách phát triển khả năng nhận thức sự khác biệt, sự luyện tập này cho phép trẻ lưu trữ được những âm thanh ngôn ngữ chính xác để sẵn sàng cho việc sử dụng chúng sau này.

¹ “Từ giả” là một thuật ngữ chuyên môn của tâm lý học ngôn ngữ, dùng mô tả những từ chỉ có thể phát âm được nhưng không mang một ý nghĩa nào. Trong tiếng Pháp có Pseudomot, trong tiếng Anh có Pseudoword.

² Thanh cao bao gồm các thanh ngang, ngã, sắc và thanh thấp bao gồm các thanh huyền, hỏi, nặng (Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng, 1993; Hoàng Cao Cương 1989; Kirby, 2010). Sự phân loại này là dựa vào độ cao thấp của âm vực của thanh.

³ Thanh “hỗn hợp” là sự kết hợp giữa một thanh cao và một thanh thấp, ví dụ cặp thanh sắc và nặng trong “phé-phệ”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Quốc Duy, A.Content, Nguyễn Thị Ly Kha, Nguyễn Thị Hồng Phượng, Huỳnh Mai Trang, Hoàng Thị Vân (2007), “Bộ trắc nghiệm đánh giá khả năng ngôn ngữ và khả năng tính toán của trẻ từ 6 đến 9 tuổi”, Ki yếu *Hội thảo khoa học quốc tế “Những khó khăn trong học tập ngôn ngữ và tính toán của học sinh tiểu học”*, Trường Đại học Sư phạm TP HCM.
2. Nguyễn Quang Hồng (1994), *Âm tiết và các loại hình ngôn ngữ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng (1993), *Ngữ âm tiếng Việt hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
4. Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Estienne & Piérart (2006), *Les bilans de langage et de voix-Fondements théoriques et pratiques*, Masson, Paris.
6. Kirby (2010), “Dialect experience in Vietnamese tone perception”, *Acoustical Society of America*, 3749-3757.
7. Morais, J., Alegria, J. & Content, A. (1987), “The relationships between segmental analysis and alphabetic literacy: an interactive view”, *Cahiers de Psychologie Cognitive*, 7, 415-438.
8. Piérart, B. (2005), *Le langage de l'enfant: comment l'évaluer?*, De Boeck, Bruxelles.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 05-10-2014; ngày phản biện đánh giá: 15-3-2015;

ngày chấp nhận đăng: 20-3-2015)